

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân
thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật Sửa đổi, bổ sung
một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 06/2021/NĐ-CP ngày
26/01/2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây
dựng và bảo trì công trình xây dựng; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 về
quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 quy định
chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung các Nghị định lĩnh vực quản lý nhà nước Bộ
Xây dựng; số 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 quy định chính sách giảm thuế
giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 110/2023/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2023
của Quốc hội;

Căn cứ Nghị quyết số 281/NQ-HĐND ngày 13/7/2022 của Hội đồng nhân
dân tỉnh Thanh Hoá về chủ trương đầu tư dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho
các hộ dân thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3018/SXD-
HĐXD ngày 02/5/2024 về việc phê duyệt dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các
hộ dân thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân (kèm theo hồ sơ Dự án).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn My,
xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn My, xã Yên
Nhân, huyện Thường Xuân.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa.

3. Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân.

4. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty TNHH tư vấn đầu tư và xây dựng Xuân Lâm.

5. Địa điểm xây dựng: Thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

6. Nhóm dự án, loại, cấp công trình: Dự án nhóm C, công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp IV.

7. Số bước thiết kế: 01 bước.

8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn: Theo danh mục tiêu chuẩn, quy chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án đã được Sở Xây dựng thẩm định tại Công văn số 2721/SXD-HĐXD ngày 17/4/2024.

9. Mục tiêu đầu tư: Xây dựng mới khu tái định cư liền kề cho 16 hộ dân thôn My, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân để đảm bảo an toàn, từng bước ổn định đời sống người dân, hạn chế thấp nhất thiệt hại do thiên tai, biến đổi khí hậu; góp phần giảm nghèo bền vững, bảo vệ môi trường, xây dựng nông thôn mới và củng cố quốc phòng - an ninh.

10. Quy mô đầu tư, giải pháp thiết kế chủ yếu

Đầu tư khu tái định cư liền kề cho 16 hộ dân với diện tích khu đất thực hiện dự án khoảng 0,38 ha, gồm các hạng mục chính: San lấp mặt bằng; đấu nối đường điện, nước với khu dân cư sở tại. Cụ thể:

10.1. Giải pháp san nền:

- Hướng dốc chủ đạo của khu vực san lấp phía Tây Nam đến Đông Bắc.
- Vật liệu san nền bằng đất tận thu từ thi công hạ thấp độ cao tạo mặt bằng xây dựng nhà ở riêng lẻ trong khu vực (theo phương án thi công hạ thấp độ cao đã được UBND huyện Thường Xuân thẩm định tại Văn bản số 20/UBND-TNMT ngày 04/01/2024).

10.2. Giải pháp cấp nước:

- Hiện trạng khu quy hoạch chưa có đường nước sạch; vì vậy nguồn nước được khai thác từ giếng khoan bơm trực tiếp vào bể chứa nước.
- Bể nước có thể tích 10,0 m³ (rộng 2,5 m dài 4,0 m cao 1,82 m) có kết cấu: Móng đá hộc dày 40 cm xây bằng VXM mác 75; thân bể bằng BTCT mác 200, 2 mặt được trát bằng VXM mác 100, lán đáy bằng VXM mác 100 tạo dốc. Nấp bể bằng BTCT mác 200 dày 12 cm.

10.3. Giải pháp cấp điện:

- Nguồn điện được lấy từ cột 2.2/1.4 TBA hiện trạng. Xây dựng mới đường dây hạ thế đi dọc theo trục đường giao thông nội khu cấp điện sinh hoạt

cho khu quy hoạch, đường dây nằm trên cột bê tông ly tâm cao 8,5 m; cột được thiết kế hệ thống tiếp địa an toàn.

- Hệ thống đèn chiếu sáng sử dụng đèn lắp trên các cột bê tông ly tâm; đèn được chụp trên đỉnh cột, lắp bóng đèn LED công suất 100W.

10.4. Tường chắn đất:

Tường chắn đất cao trung bình H=2,0 m có kết cấu: Lót móng bằng bê tông mác 100 đá 4x6; móng bằng BTXM mác 200 đá 1x2; thân tường chắn bằng BTXM mác 200 đá 1x2; trên tường chắn bố trí tầng lọc ngược thoát nước và bố trí khe lún với khoảng cách trung bình 10 m/1 khe.

(Chi tiết như hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công).

11. Tổng mức đầu tư (làm tròn): 2.384.807.000 đồng; trong đó:

- Chi phí xây dựng	:	1.926.889.440	đồng;
- Chi phí quản lý dự án	:	40.959.703	đồng;
- Chi phí tư vấn ĐTXDCT	:	315.835.993	đồng;
- Chi phí khác	:	20.476.327	đồng;
- Chi phí dự phòng	:	80.645.651	đồng.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

12. Thời gian thực hiện: Năm 2023-2024.

13. Nguồn vốn: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tỉnh theo Nghị quyết số 123/NQ-HĐND ngày 11/10/2021 của HĐND tỉnh; riêng kinh phí giải phóng mặt bằng (nếu có) do ngân sách huyện Thường Xuân chi trả.

14. Hình thức quản lý dự án: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân (Chủ đầu tư) tổ chức thực hiện quản lý dự án.

15. Các nội dung khác: Theo nội dung thẩm định của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 3018/SXD-HĐXD ngày 02/5/2024.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Sở Xây dựng, Chủ đầu tư chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật (trong đó có trách nhiệm báo cáo, giải trình với các cơ quan thanh tra, kiểm toán,...) về nội dung, tính chính xác của hồ sơ dự án thẩm định, trình phê duyệt.

2. Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Giao UBND huyện Thường Xuân theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra Chủ đầu tư thực hiện Dự án đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Thường Xuân; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- Lưu: VT, CN_{HĐXD_TM.47}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Đức Giang

Phụ lục: TỔNG MỨC ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

Dự án: Sắp xếp, ổn định dân cư cho các hộ dân thôn Mỹ, xã Yên Nhân, huyện Thường Xuân

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị: Đồng

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
I	Chi phí xây dựng				1.764.895.849	161.993.591	1.926.889.440	Gxd
II	Chi phí quản lý dự án	2,901%	0,8	(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	40.959.703		40.959.703	Gqlda
III	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng				293.537.031	22.298.962	315.835.993	Gtv
1	Chi phí khảo sát địa hình			Theo QĐ số 16/QĐ-UBND ngày 16/02/2023	9.645.455	771.636	10.417.091	
2	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát xây dựng	3%		Gks trước thuế x tỷ lệ	289.364	23.149	312.513	
3	Chi phí lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	5,188%		(Gxd+Gtb) trước thuế x tỷ lệ	91.562.797	7.325.024	98.887.821	
4	Chi phí thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,388%	1,2	Gxd trước thuế x tỷ lệ	8.217.355	657.388	8.874.743	
5	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường			Theo QĐ số 53/QĐ-BQLDA ngày 20/03/2023	116.887.037	9.350.963	126.238.000	
6	Chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường			Phiếu thu	9.800.000		9.800.000	
7	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	0,388%		Dự toán gói thầu trước thuế x tỷ lệ	6.847.796	547.824	7.395.620	
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	2,566%		Dự toán gói thầu XD trước thuế x tỷ lệ	45.287.227	3.622.978	48.910.205	

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	Tỷ lệ %	Hệ số	CÁCH TÍNH	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	KÝ HIỆU
9	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	2.000.000		2.000.000	
10	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu	0,1%		Dự toán gói thầu XD+TB trước thuế x tỷ lệ	3.000.000		3.000.000	
IV	Chi phí khác				20.264.539	211.788	20.476.327	Gk
1	Chi phí bảo hiểm công trình	0,15%		Gxd trước thuế x tỷ lệ	2.647.344	211.788	2.859.132	
2	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	0,57%		Giá trị quyết toán do chủ đầu tư đề nghị phê duyệt; Tổng mức đầu tư x tỷ lệ	13.436.702		13.436.702	
3	Chi phí kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	8%		Chi phí giám sát thi công xây dựng x tỷ lệ	3.680.493		3.680.493	
4	Chi phí thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật	0,019%		Tối thiểu	500.000		500.000	
V	Chi phí dự phòng						80.645.651	Gdp
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	3,5%		(Ggpmb+Gxd+Gtb+Gqlđa+Gtv+Gk) sau thuế x tỷ lệ			80.645.651	
	Tổng cộng				2.119.657.122	184.504.341	2.384.807.114	Gxdct
	Làm tròn						2.384.807.000	